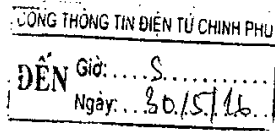


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /2016/QĐ-UBND

Vinh Yên, ngày 25 tháng 5 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về quản lý và thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) số: 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19/9/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 15/TTr-SKHCN ngày 06/4/2016; Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật số 22/BC-STP ngày 29/01/2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc".

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh số: 40/2008/QĐ-UBND ngày 05/8/2008 quy định về quản lý và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; số 42/2006/QĐ-UBND ngày 22/6/2006 quy định triển khai ra diện rộng các mô hình KH&CN trên địa bàn tỉnh; số 24/2011/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 42/2006/QĐ-UBND ngày 22/6/2006 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

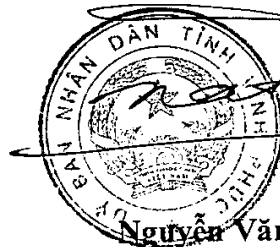
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CPCT, CPVP;
- Như Điều 2;
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Báo VP, Đài PT-TH, Cổng TTGTDĐT tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, VX3.

(ĐHV- 60 b).

ƯP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì

QUY ĐỊNH

**Về quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30 /2016/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Vinh Phúc)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này áp dụng cho việc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng toàn bộ hoặc được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước.

b) Các nhiệm vụ KH&CN liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng Quy định này để đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân đề xuất, đăng ký, thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

b) Các cơ quan, tổ chức liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Danh mục nhiệm vụ KH&CN là bảng tổng hợp các đề tài, dự án nêu rõ: Tên nhiệm vụ; họ và tên cá nhân, cơ quan chủ trì; mục tiêu; nội dung chủ yếu; dự kiến kết quả đạt được; địa điểm, thời gian, kinh phí thực hiện.

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN là văn bản pháp lý được ký kết giữa Sở KH&CN với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).

3. Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN là quá trình thẩm định, nhận định các kết quả nghiên cứu so thuyết minh đề cương nhiệm vụ KH&CN được duyệt, các nội dung của Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ KH&CN và các tài liệu pháp lý liên quan khác khi thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Hồ sơ đăng ký nhiệm vụ KH&CN bao gồm:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ;
- Thuyết minh nhiệm vụ được lập theo mẫu do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chung cho các lĩnh vực khoa học của nhiệm vụ KH&CN;

- Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức chủ trì nhiệm vụ (cho những trường hợp lần đầu tham gia nghiên cứu);

- Lý lịch khoa học của cá nhân chủ trì nhiệm vụ (cho những trường hợp lần đầu tiên tham gia nghiên cứu).

5. Các khái niệm: nhiệm vụ KH&CN, đề tài KH&CN, chương trình KH&CN,... và các nội dung không nêu trong quy định này, được hiểu và thực hiện theo quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Mã số nhiệm vụ KH&CN

Nhiệm vụ KH&CN được ghi theo nhóm ký hiệu sau: XX/YYYYYY - ZZZZ, trong đó:

1. Ký hiệu XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của nhiệm vụ theo số thứ tự được ghi trong Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trong năm kế hoạch (trường hợp có nhiều quyết định thì ghi số liên tiếp tiếp theo).

2. Ký hiệu YYYYYY là nhóm 6 chữ số ghi theo phân loại tên nhiệm vụ KH&CN như sau:

- Đề tài KH&CN ký hiệu là ĐTKHVP;
- Dự án KH&CN ký hiệu là DAKHVP;
- Chương trình KH&CN ký hiệu là CTKHVP.

3. Ký hiệu ZZZZ là nhóm 4 chữ số ghi năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Điều kiện để tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì phải có tư cách pháp nhân; có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN; đủ điều kiện năng lực về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng phối hợp, triển khai nghiên cứu để thực hiện thành công nhiệm vụ KH&CN.

2. Cá nhân chủ trì nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có trình độ từ đại học trở lên, có chuyên môn đào tạo phù hợp và đang hoạt động cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ KH&CN; có kinh nghiệm và năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN và là người tham gia, đóng góp chính trong việc tạo ra kết quả của nhiệm vụ KH&CN;

b) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

3. Tổ chức, cá nhân không được tham gia chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, nếu tính đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn thành các quy định, nhiệm vụ theo kế hoạch được phê duyệt, hợp đồng đã ký kết mà không có lý do chính đáng.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Căn cứ, nguyên tắc xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN:

a) Định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ưu tiên, các

nhiệm vụ KH&CN chủ yếu của tỉnh hoặc trung ương.

b) Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, KH&CN của tỉnh.

c) Yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ; định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch ngắn hạn, dài hạn hoặc đột xuất nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Đề xuất của Hội đồng KH&CN tỉnh; của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; của các tổ chức KH&CN, các tổ chức, cá nhân và các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.

2. Nguyên tắc xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN:

a) Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường,... của tỉnh.

b) Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

c) Phải đảm bảo có giá trị về khoa học và thực tiễn, có tính mới, tính sáng tạo, tính cấp thiết, khả thi, có địa chỉ ứng dụng các kết quả chính được tạo ra và được cơ quan, tổ chức cam kết sử dụng kết quả khi nhiệm vụ KH&CN hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến phải có năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả kết quả tạo ra.

d) Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm họp đồng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 6. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Yêu cầu thực tiễn:

a) Có tính cấp thiết và tầm quan trọng, trực tiếp hoặc gián tiếp giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường,... trên địa bàn tỉnh;

b) Xây dựng các luận cứ khoa học, đề xuất các chính sách, mô hình, giải pháp trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh;

c) Tạo chuyển biến về năng suất, chất lượng, có hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động đến sự phát triển của từng lĩnh vực kinh tế - xã hội;

d) Tạo tiền đề cho việc hình thành ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

e) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu KH&CN:

a) Giải quyết các vấn đề KH&CN mới ở trình độ tiên tiến hơn so với địa phương hoặc trong nước; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi; tạo ra sản phẩm, công nghệ, bộ giống cây, giống con mới và có phương án khả thi để đưa vào sản xuất thử nghiệm và triển khai ra diện rộng.

b) Góp phần nâng cao năng lực hoạt động KH&CN của tỉnh;

c) Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

3. Tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội:

a) Có khả năng huy động sự tham gia của các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, các nhà khoa học trong tỉnh, trong nước hoặc từ nước ngoài;

b) Có địa chỉ sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN;

c) Đối với dự án: Công nghệ được sử dụng đảm bảo tính hợp pháp và có xuất xứ từ một trong các nguồn sau: Kết quả của các nhiệm vụ KH&CN đã được Hội đồng KH&CN tỉnh đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị áp dụng; sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH&CN; kết quả KH&CN từ nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận; có thị trường tiêu thụ sản phẩm; có phương án khả thi, tin cậy trong việc huy động nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện dự án. Sản phẩm của dự án góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và bảo vệ môi trường, sinh thái.

4. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN được quy định trong quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN.

Mục 2

PHƯƠNG THỨC GIAO, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Phương thức giao nhiệm vụ KH&CN

Nhiệm vụ KH&CN được giao theo phương thức tuyển chọn qua Hội đồng tuyển chọn và giao trực tiếp.

1. Phương thức tuyển chọn qua Hội đồng tuyển chọn:

a) Hàng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ KH&CN, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Sở KH&CN thông báo, hướng dẫn trên Cổng Thông tin Giao tiếp điện tử tỉnh, Website của Sở KH&CN và trực tiếp bằng văn bản đến các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức KH&CN để nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ KH&CN cần thực hiện trong năm kế hoạch.

b) Sở KH&CN tiếp nhận hồ sơ, xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất nhiệm vụ KH&CN. Tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ được đánh giá "đạt yêu cầu", báo cáo Hội đồng KH&CN tỉnh để tiến hành họp, đánh giá và thống nhất danh mục nhiệm vụ KH&CN đề xuất tuyển chọn.

Hội đồng KH&CN tỉnh làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ; các phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt và các ý kiến kết luận của Hội đồng phải được trên 50% thành viên có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Các thành viên chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng. Các thành viên hội đồng, chuyên gia (nếu có), thư ký khoa học và thư ký hành chính hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Phương thức giao trực tiếp:

Để giải quyết những vấn đề cần thiết về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, Sở KH&CN tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN theo phương thức đặt hàng và trực tiếp giao các nhiệm vụ KH&CN cho các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện.

3. Căn cứ kết quả tuyển chọn của Hội đồng KH&CN tỉnh, Sở KH&CN công khai trên Cổng Thông tin Giao tiếp điện tử tỉnh, Website của Sở KH&CN và trực tiếp gửi văn bản cho các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đã trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp) hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy định này và nộp về Sở KH&CN trong thời gian 10 ngày.

Giám đốc Sở KH&CN thành lập Tổ thẩm định thuyết minh đề cương nhiệm vụ KH&CN.

4. Sau khi hoàn thiện thẩm định thuyết minh đề cương, Sở KH&CN tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 8 Quy định này quyết định phê duyệt danh mục, nội dung, quy mô, kinh phí các nhiệm vụ KH&CN. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật về những nội dung thẩm định, tham mưu trình phê duyệt. Trường hợp cần thiết, Sở KH&CN có quyền tham vấn ý kiến của các chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 8. Quy trình phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN

1. Chủ tịch UBND phê duyệt danh mục, kinh phí các nhiệm vụ KH&CN có tổng kinh phí ngân sách tỉnh cấp từ 300 triệu đồng trở lên.

2. Đối với những nhiệm vụ KH&CN có tổng kinh phí ngân sách tỉnh cấp dưới 300 triệu đồng, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt.

3. Tổ chức và cá nhân trúng tuyển nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn chỉnh đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN theo quy định, gửi Sở KH&CN trong thời hạn không quá 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định phê duyệt; hồ sơ nhiệm vụ KH&CN được lập thành 07 bộ. Thuyết minh chính thức của nhiệm vụ KH&CN phải được cơ quan chủ quản phê duyệt.

4. Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt đề cương thuyết minh thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

Quyết định phê duyệt danh mục và đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN là căn cứ pháp lý để cấp kinh phí và triển khai thực hiện.

Mục 3

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 9. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở KH&CN ký kết hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt theo quy định Khoản 1, Khoản 2 Điều 8.

2. Sau khi thuyết minh, đề cương nhiệm vụ KH&CN được duyệt, Giám đốc

Sở KH&CN ký kết hợp đồng với tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN. Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học thực hiện thống nhất theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, trường hợp gặp các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tiến độ, nội dung, quy mô, phạm vi nghiên cứu,... cần phải điều chỉnh hợp đồng thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải báo cáo cơ quan chủ quản và Sở KH&CN để được xem xét, điều chỉnh hợp đồng theo quy định.

4. Các quyết định phê duyệt và các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh là một bộ phận không tách rời của hợp đồng.

Điều 10. Thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ đề cương, thuyết minh được duyệt và hợp đồng đã ký kết, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung nhiệm vụ KH&CN, mở sổ nhật ký ghi chép, phân công cán bộ, tổ chức thực hiện theo nội dung, tiến độ được duyệt và thực hiện các báo cáo giữa kỳ, cuối kỳ và khi hoàn thành.

2. Cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải lập báo cáo kết quả thực hiện giữa kỳ, có xác nhận của cơ quan chủ trì gửi Sở KH&CN theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

Điều 11. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Định kỳ 6 tháng, một năm hoặc đột xuất (theo yêu cầu của Sở KH&CN hoặc cấp có thẩm quyền), tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải báo cáo Sở KH&CN hoặc cấp có thẩm quyền về tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Sở KH&CN có trách nhiệm đôn đốc, thanh tra, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo định kỳ 6 tháng, 1 năm và theo quy định hiện hành.

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN thực hiện không đúng các nội dung đã được phê duyệt, ký kết; sử dụng kinh phí không đúng mục đích,... thì Sở KH&CN có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Đình chỉ, huỷ bỏ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Giám đốc Sở KH&CN xem xét, quyết định đình chỉ thực hiện Hợp đồng khi tổ chức, cá nhân chủ trì vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Các điều kiện quy định trong hợp đồng như: cơ sở vật chất, nguồn nhân lực thực hiện,... không đáp ứng yêu cầu, dẫn đến không có khả năng hoàn thành hợp đồng;

b) Thực hiện không đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng;

c) Sử dụng kinh phí sai mục đích;

d) Khi tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN vi phạm pháp luật.

2. Giám đốc Sở KH&CN xem xét, quyết định huỷ bỏ hợp đồng trong trường hợp việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN của tổ chức, cá nhân gặp các yếu tố khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không thể thực hiện hợp đồng.

3. Căn cứ quyết định đình chỉ hoặc huỷ bỏ thực hiện Hợp đồng, tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán hợp đồng

theo các điều khoản đã ký giữa các bên và quy định của pháp luật hiện hành. Sở KH&CN có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh việc đình chỉ, huỷ bỏ hợp đồng theo quy định.

Điều 13. Đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN

1. Việc nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN vận dụng theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hồ sơ nghiệm thu gồm các tài liệu sau:

- Báo cáo tóm tắt;
- Báo cáo chính;
- Các quy trình kỹ thuật công nghệ, các tài liệu, sơ đồ, bản đồ, ảnh tư liệu,...;
- 01 đĩa CD/USB sao chép kết quả nghiên cứu;
- Biên bản nghiệm thu.

2. Nghiệm thu cấp cơ sở:

Thủ trưởng cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN quyết định thành lập Hội đồng KH&CN cơ sở để tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu cấp cơ sở, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện hồ sơ, nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ (15 bộ) để tiến hành nghiệm thu cấp tỉnh. Hồ sơ nghiệm thu theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Nghiệm thu cấp tỉnh:

Sở KH&CN quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu chuyên ngành và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Hội đồng nghiệm thu gồm Chủ tịch và từ 6 đến 8 uỷ viên. Thành viên Hội đồng nghiệm thu là uỷ viên Hội đồng KH&CN tỉnh, các nhà khoa học, các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN và các nhà quản lý. Khi nghiệm thu phải có mặt ít nhất 2/3 uỷ viên trở lên.

Hội đồng nghiệm thu chỉ tiến hành nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN khi hồ sơ nghiệm thu có đủ các tài liệu quy định tại Khoản 1 của Điều này.

4. Giao nộp sản phẩm KH&CN:

Sau khi nghiệm thu, tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện các sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết và giao nộp cho Sở KH&CN chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN, gồm:

- Báo cáo nghiệm thu (bản chính) được chỉnh sửa, hoàn thiện theo biên bản nghiệm thu và 01 bộ đĩa CD/USB sao chép kết quả nghiên cứu;
- Biên bản giao nộp các sản phẩm KH&CN và chứng từ thu hồi kinh phí (nếu có) làm cơ sở để thanh, quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Công nhận kết quả nghiên cứu:

Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng nghiệm thu và sau khi hoàn thành việc giao nộp đầy đủ, đúng tiến độ các sản phẩm KH&CN, Giám đốc Sở KH&CN quyết định công nhận kết quả nghiên cứu theo quy định hiện hành.

Điều 14. Cấp phát, quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN có thời gian thực hiện kéo dài (từ 02 năm trở lên), việc cấp phát kinh phí có thể thông qua Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh theo quy

định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này, việc cấp phát kinh phí do Sở KH&CN thực hiện.

Kinh phí nhiệm vụ KH&CN giao thực hiện năm nào phải được quyết toán theo niên độ ngân sách năm đó và theo quy định hiện hành. Đối với các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong nhiều năm thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN quyết toán hàng năm theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi. Khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải tổng hợp lũy kế quyết toán từ năm đầu thực hiện đến năm báo cáo đánh giá nghiệm thu kết quả.

3. Khi nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu, giao nộp sản phẩm và công nhận kết quả, Sở KH&CN quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.

Thời hạn hoàn thành hồ sơ quyết toán chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu.

Điều 15. Ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN

1. Sở KH&CN công bố và đăng tải thông tin về kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN trên Bản tin KH&CN, Cổng Thông tin Giao tiếp điện tử tỉnh và các Website KH&CN của tỉnh; phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan tuyên truyền kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (trừ các nhiệm vụ KH&CN được quản lý theo chế độ mật); chủ động đề xuất với UBND tỉnh việc ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN để các ngành, địa phương, các doanh nghiệp và nhân dân tham khảo, triển khai nhân rộng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Sau khi nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu, cơ quan chủ trì, các tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm tham mưu, tổ chức ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN vào thực tiễn; hàng năm lập báo cáo đánh giá tình hình ứng dụng từ các kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN, báo cáo Sở KH&CN và UBND tỉnh theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng KH&CN tỉnh

1. Tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ KH&CN hàng năm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và theo các chương trình KH&CN của Nhà nước.

2. Trực tiếp tham gia tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN và các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN để thực hiện trong năm kế hoạch.

3. Tham gia thẩm định thuyết minh đề cương và nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

4. Tổ chức tổng kết đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các tổ chức KH&CN,

cán bộ KH&CN trong và ngoài tỉnh đăng ký, đề xuất nhiệm vụ KH&CN hàng năm để tuyển chọn, phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt theo phân cấp. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện và quản lý nhiệm vụ KH&CN.

2. Tham mưu, đề xuất ban hành quy chế, nguyên tắc hoạt động cụ thể của Hội đồng KH&CN tỉnh. Xây dựng, ban hành quy trình, nguyên tắc, hồ sơ, thủ tục, phương pháp tuyển chọn xác định nhiệm vụ; phương pháp kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Tổ chức hướng dẫn thực hiện thống nhất hệ thống biểu mẫu phục vụ công tác quản lý và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ trong từng giai đoạn cụ thể.

4. Tổ chức thẩm định nội dung, đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, ký kết hợp đồng, phê duyệt quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng theo quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.

5. Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN

1. Tiếp nhận, quản lý kinh phí, tổ chức triển khai thực hiện, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

2. Trường hợp cần thiết, báo cáo, đề xuất với Sở KH&CN điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

3. Thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở.

4. Tổ chức nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng, bảo mật tài liệu, ứng dụng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại các Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Quy định này.

5. Cá nhân được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm:

a) Lập đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo cơ quan chủ trì, trình Sở KH&CN thẩm định, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN do cơ quan chủ trì giao;

b) Sử dụng kinh phí đúng nội dung, mục đích và đối tượng;

c) Khi cần thiết có sự thay đổi, điều chỉnh dự toán, báo cáo cơ quan chủ trì trình Sở KH&CN xem xét, quyết định;

d) Lập hồ sơ quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN theo hướng dẫn của Sở KH&CN và quy định hiện hành của Nhà nước;

e) Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn kết quả thực hiện, tiến độ giải ngân và chịu trách nhiệm về chứng từ, số liệu quyết toán kinh phí thực hiện với cơ quan chủ trì và cơ quan quản lý. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện và việc

khai thác, sử dụng các nguồn thông tin, tư liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cũng như việc lưu giữ, công bố, giao nộp và bảo mật các thông tin, tài liệu, sản phẩm nghiên cứu có liên quan tới bí mật quốc gia theo quy định hiện hành của Nhà nước;

f) Được hưởng quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu và dịch vụ chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định hiện hành của pháp luật. Cùng với cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm pháp lý về kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

1. Tạo dựng phong trào nghiên cứu khoa học, cải tiến công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống ở địa phương.

2. Chỉ đạo gắn các nhiệm vụ thuộc chương trình KH&CN cấp Nhà nước, cấp tỉnh với nhiệm vụ nghiên cứu của sở, ngành, địa phương mình; chỉ đạo việc nhân rộng kết quả nghiên cứu của đơn vị vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

3. Tổng hợp, báo cáo kết quả các nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng tiến bộ KH&CN đã thực hiện trong năm; rà soát, tổng hợp, thẩm định và đăng ký nhiệm vụ KH&CN năm tiếp theo với Sở KH&CN.

4. Phối hợp với Sở KH&CN trong việc đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cơ quan chủ trì là đơn vị trực thuộc.

5. Thành lập Hội đồng KH&CN cấp cơ sở để tổ chức thẩm định, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện ở cấp tỉnh và cấp cơ sở.

6. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN triển khai các nội dung theo đúng tiến độ quy định.

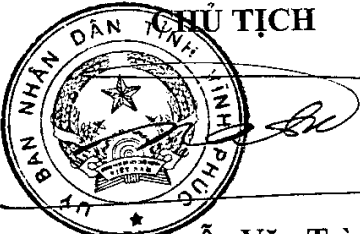
7. Chịu trách nhiệm về kết quả nghiên cứu và hiệu quả của các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành, cấp huyện mình. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc ứng dụng, tuyên truyền nhân rộng các kết quả nghiên cứu.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết. //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trì